

Số: 247/2026/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 12 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn bà Lê Thị L: ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: số 294/5 ấp N, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: ông Võ Văn Thanh H, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn ông Võ Văn Thanh H: ông Phạm Kim C, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: ấp P2, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Võ Thị S, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về cấp dưỡng: ông Võ Văn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Võ Tiến Đ, sinh ngày 20/01/2013 mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng kể từ ngày 04/3/2025 cho đến khi con chung 18 tuổi. Ông Võ Văn Thanh H có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung:

Bà Lê Thị L được toàn quyền sở hữu phần đất có diện tích 567.2m² thuộc thửa đất số 303, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện M1, tỉnh Bến Tre, nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long. Theo kết quả đo đạc cụ thể là thửa 303A diện tích 409.2m² và thửa 303B diện tích 158m² (có hồ sơ trích do hiện trạng sử dụng đất kèm theo) cùng toàn bộ tài sản trên đất, bao gồm:

- Nhà 1, nhà có kết cấu nhà móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng, xây gạch 10cm, mái tole (gồm nhà chính và nhà vệ sinh);
- Nhà 2, nhà có kết cấu cột sắt, mái tole tráng kẽm (nhà tiền chế phía trước nhà 1);
- Hàng rào trước nhà 1, nhà 2;
- 03 cống nước tròn;
- 02 cây dừa loại hai;
- Nhà 3, có kết cấu móng cột bê tông cốt thép, tường bao che không trần, nhà tiền chế;
- Nhà 4, nhà có kết cấu nhà móng cột dầm bê tông cốt thép, tường bao che, ngăn phòng, xây gạch 10cm, mái tole;
- 01 cây dừa loại một;
- 55 bụi chuối.

Bà Lê Thị L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Võ Văn Thanh H số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng tương đương với giá trị tài sản chung mà ông Võ Văn Thanh H được chia;

Bà Lê Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Võ Thị S số tiền 397.695.000 (ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng tương đương với giá trị tài sản của bà Võ Thị S tại thửa đất số 303B, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại xã An Định, tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Về chi phí thu thập chứng cứ: chi phí thu thập chứng cứ là 2.845.200 (hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm) đồng do bà Lê Thị L tự nguyện nộp và đã nộp xong.

Về án phí:

Bà Lê Thị L phải nộp án phí tổng cộng là 16.170.601 (mười sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm lẻ một) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 7.425.000 (bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng

theo các biên lai thu số 0012101 và 0011850 cùng ngày 20/5/2025 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Vĩnh Long, bà Liên còn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.745.601 (tám triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ một) đồng;

Ông Võ Văn Thanh H phải nộp án phí là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng;

Bà Võ Thị S được miễn nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Mai Chiến Trực